

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 54/2025/DSST

Ngày: 22 – 5 – 2025.

“ V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Tuyết Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét
xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2025/TLST- DS ngày 06 tháng 3 năm
2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử
số:121/2025/QĐXXST-DS ngày 06/5/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1973 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:**

1. Chị **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

2. Anh **Huỳnh Phong T1**, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2024 và các lời trình bày khác có trong hồ sơ vụ
án nguyên đơn chị Lê Thị T yêu cầu: Buộc anh Huỳnh Phong T1 và chị Lê Thị Tuyết
L có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hụi là 139.000.000đ (một trăm ba mươi chín
triệu đồng).

Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh T1, chị L lần thứ 02 nhưng vẫn
vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn
cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm,
tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa chị T và anh T1, chị L.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1, chị L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn chị T trình bày từ năm 2017 đến năm 2022 chị T làm chủ thảo các dây hụi có anh T1, chị L tham gia như sau:

- Dây hụi 01: Hụi mùa loại hụi 5.000.000đ (năm triệu đồng) khai ngày 25/05/2017 (âm lịch ngày 19/6/2017) 04 tháng khai 01 lần gồm có 17 phần, anh T1, chị L tham gia 01 phần, đến lần khai hụi thứ 05 anh T1, chị L kêu hụi 1.850.000đ hụi và nhận được số tiền là 55.800.000đ (đã trừ thảo 2.000.000đ) có ký tên nhận tiền. Anh T1, chị L đóng hụi chết được 15 lần và ngưng đóng hụi, chị T choàng hụi cho anh T1, chị L 02 lần là 10.000.000đ. Hiện dây hụi này đã mãn.

- Dây hụi 02: Hụi mùa 5.000.000đ khai ngày 19/01/2018 (âm lịch ngày 06/3/2018, 04 tháng khai 01 lần gồm có 19 phần, anh T1, chị L tham gia 01 phần hụi ở lần khai thứ 05 anh T1, chị L kêu hụi 1.850.000đ, hụi viên đóng 3.150.000đ anh T1, chị L nhận được số tiền hụi là 64.100.000đ trừ 2.000.000đ thảo hụi. Anh T1, chị L nhận trực tiếp số tiền 62.100.000đ và có ký tên vào biên nhận nhận tiền. Sau đó anh T1, chị L đóng hụi chết được đến lần thứ 15 và ngưng chị T phải choàng hụi cho anh T1, chị L 04 lần hụi chết số tiền 20.000.000đ. Hiện dây hụi này đã mãn hụi.

- Dây hụi 03: Hụi mùa loại hụi 5.000.000đ khai hụi ngày 03/02/2020 (âm lịch ngày 25/02/2020) 04 tháng khai hụi 01 lần gồm có 17 phần, anh T1, chị L tham gia 01 phần hụi. Hụi ở lần khai đầu tiên kêu 2000.000đ chị T đã giao cho anh T1, chị L nhận đủ số tiền 46.000.000đ và có ký tên vào biên nhận nhận tiền. Sau đó đóng hụi chết được đến lần thứ 08 và ngưng chị T phải choàng hụi cho 09 lần hụi chết là 45.000.000đ. Hiện dây hụi này đã mãn.

- Dây hụi 04: Hụi tháng loại hụi 2.000.000đ khai hụi ngày 29/02/2022 (âm lịch ngày 31/3/2022) có 24 phần, anh T1, chị L tham gia 01 phần. Lần khai hụi đầu tiên kêu hụi 500.000đ, anh T1, chị L nhận được số tiền 32.000.000đ và có ký tên vào biên nhận nhận tiền. Sau đó anh T1, chị L đóng hụi chết được đến lần thứ 09 và ngưng chị T phải choàng hụi 15 lần là 30.000.000đ. Hiện nay dây hụi này đã mãn.

- Dây hụi 05: Hụi tháng loại hụi 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) khai hụi ngày 09/04/2022 (âm lịch ngày 09/5/2022) gồm có 24 phần, anh T1, chị L tham gia 01 phần. Lần khai hụi thứ 02 anh T1, chị L kêu hụi 560.000đ, nhận được số tiền hụi 33.680.000đ và có ký tên vào biên nhận nhận tiền. Sau đó anh T1, chị L đóng hụi chết được đến lần thứ 07 và ngưng chị T phải choàng hụi cho anh T1, chị L 17 lần là 34.000.000đ. Hiện dây hụi này đã mãn.

Tổng cộng chị T choàng hụi cho anh T1 và chị L ở 05 dây hụi trên với tổng số tiền 139.000.000đ. Chị T nhiều lần gặp và điện thoại yêu cầu anh T1, chị L trả cho chị T số tiền trên nhưng anh T1, chị L cố tình tránh né và không thực hiện.

* Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng góp hụi giữa chị T và anh T1, chị L được lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật. Chị T làm chủ thảo các dây hụi có anh T1, chị L tham gia và thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ thảo là giao đủ tiền hụi mỗi khi hụi viên hốt hụi. Anh T1, chị L là hụi viên đã không thực hiện nghĩa vụ của mình khi đã nhận tiền hụi xong và không đóng lại hụi chết làm cho quyền và lợi ích hợp pháp của chị T bị xâm phạm. Tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T1, chị L có trách nhiệm trả cho chị T số tiền nợ hụi là 139.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã nộp cho Tòa án biên nhận nhận tiền hụi và tờ giấy ghi danh sách hụi. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

- Mặt khác; anh T1, chị L đã được tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và hòa giải; Quyết định xét xử lần thứ hai của Tòa án nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án trình bày có hay không việc góp hụi nêu trên. Điều này đồng nghĩa với việc anh T1 chị L đã thừa nhận có nợ tiền hụi của chị T vì không có ý kiến phản bác.

Đồng thời; Tại bảng khai ý kiến ngày 23/12/2024 và biên bản ghi nhận kết quả hòa giải đối thoại ngày 23/12/2024 anh T1 thừa nhận có nợ tiền hụi của chị T và đồng ý trả số tiền trên nhưng xin được trả dần.

[3] Từ những căn cứ nêu trên xác định đã có đủ cơ sở buộc anh T1 chị L có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ hụi 139.000.000đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Án phí sơ thẩm: Buộc anh T1 chị L phải nộp số tiền 6.950.000đ.

* Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 35; Điều 39; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị T.

Buộc anh Huỳnh Phong T1 và chị Lê Thị Tuyết L có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị T số tiền nợ hụi là 139.000.000đ (Một trăm ba mươi chín triệu đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Án phí sơ thẩm:**

+ Buộc anh Huỳnh Phong T1 và chị Lê Thị Tuyết L phải nộp án phí là 6.950.000đ (sáu triệu chín trăm năm chục ngàn đồng).

+ Chị Lê Thị T không phải nộp án phí. Hoàn trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.475.000đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số N^o 0009918 ngày 06/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Cường